

BÀN VỀ NGUYÊN TẮC TÍNH VỪA SỨC TRONG THIẾT KẾ VÀ GIẢNG DẠY CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN 10

TS. NGUYỄN THỊ THƯỜNG*

Nguyên tắc tính vừa sức là một trong những nguyên tắc cơ bản của lí luận dạy học, xuất phát từ đặc trưng của môn học và cấp học. Trong quá trình dạy học ở trung học phổ thông (THPT), việc quán triệt nguyên tắc tính vừa sức là hết sức cần thiết. Bởi lẽ hoạt động giảng dạy và học tập vừa sức với học sinh (HS) sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ năng lực, phẩm chất trí tuệ và toàn bộ nhân cách của HS. Từ góc nhìn của nguyên tắc tính vừa sức, bài viết tập trung bàn về thực trạng chương trình (CT), sách giáo khoa (SGK) và những khó khăn trong việc dạy học môn *Giáo dục công dân* (GDCC) lớp 10, trên cơ sở đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học GDCC ở trường THPT hiện nay.

1. Quan niệm về tính vừa sức trong dạy học

Theo quan điểm của lí luận dạy học hiện đại, dạy học vừa sức có nghĩa là trong quá trình dạy học, những yêu cầu, nhiệm vụ học tập phải phù hợp với giới hạn cao nhất của vùng phát triển trí tuệ gần nhất của HS mà họ có thể hoàn thành được với sự nỗ lực cao nhất về trí tuệ và thể lực.

Tính vừa sức trong dạy học được quan niệm “là quá trình dạy học phù hợp với trình độ nhận thức của đối tượng về cả hai mặt: khối lượng kiến thức và khả năng tiếp thu của đối tượng” (1; 37).

Bản chất của tính vừa sức trong dạy học môn GDCC là việc *nâng cao dần mức độ khó khăn* trong học tập nhằm tạo nên sự kích thích về mặt trí lực, thể lực một cách phù hợp với trình độ tiếp thu tri thức mới và đặc điểm lứa tuổi của HS.

2. Cơ sở lí luận và thực tiễn của nguyên tắc tính vừa sức

Về mặt lí luận, quá trình nhận thức của con người bao giờ cũng phải phù hợp với những quy luật của tâm lí học và sinh lí học thần kinh. Quá trình đó diễn ra qua hai giai đoạn: cảm tính và lí tính. Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Quá trình này đòi hỏi sự tiếp thu

phải đi từ thấp đến cao. Sự phản ánh thông tin diễn ra trên cơ sở vận động của tế bào thần kinh với sự hưng phấn và ức chế. Nếu sự kích thích ở bên ngoài vào vượt quá “ngưỡng”, hệ thống tri thức quá tải vượt quá khả năng lĩnh hội của HS sẽ gây ức chế và điều này cố nhiên sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp thu của đối tượng người học.

Để thực hiện dạy học vừa sức, điều quan trọng đầu tiên là CT phải được thiết kế phù hợp với đối tượng người học. Tính vừa sức đòi hỏi dạy học phải phù hợp với đặc điểm lứa tuổi vì mỗi độ tuổi gắn liền với sự trưởng thành về thể chất, trí lực cũng như sự tích lũy kinh nghiệm, nhận thức xã hội khác nhau. Lứa tuổi thay đổi thì nhu cầu trí tuệ và hứng thú nhận thức cũng biến đổi. Vì vậy, trong quá trình biên soạn CT - SGK GDCC các tác giả phải căn cứ vào đối tượng HS, đặc điểm tâm sinh lí, trình độ lĩnh hội tri thức để xác định được dung lượng tri thức phù hợp cần trang bị cho HS. Đây chính là chỗ dựa vững chắc cho giáo viên (GV) phát huy năng lực sư phạm và nghệ thuật giảng dạy nhằm đạt được hiệu quả dạy học và góp phần phát triển những tư chất tốt đẹp của HS.

Về mặt thực tiễn, “vừa sức trong dạy học không thể hiểu đơn giản là sức HS đến đâu thì dạy đến đó mà bao giờ dạy học cũng phải đề ra nhiệm vụ *khó khăn* mà dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của GV thì HS bằng nỗ lực của mình có thể khắc phục được” (2; 56). Cần lưu ý rằng, mức độ khó khăn trong học tập của HS khác với sự quá tải về mặt trí lực và thể lực, bởi vì sự quá tải đó sẽ làm yếu đi ý chí nỗ lực, khiến HS mệt mỏi trong học tập, hiệu quả học tập sẽ bị giảm sút. Trong thực tiễn giảng dạy hiện nay, chúng ta đang cố gắng quán triệt các nguyên tắc tính khoa học, tính vừa sức và đề cao nguyên tắc phát huy tính tích cực của người học. Song, ở một vài CT phổ thông, nguyên tắc tính vừa sức dường như chưa được chú ý đúng mức. **GDCC10** (SGK thí điểm biên soạn theo CT thí điểm

* Khoa Triết học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội

THPT được Bộ GD-ĐT ban hành) cũng nằm trong số đó.

3. Thực trạng CT - SGK và những khó khăn trong việc dạy học môn GDCD lớp 10

Trong thực tế, CT - SGK GDCD10 được kết cấu thành hai phần. *Phần thứ nhất: Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học* gồm 9 bài (từ trang 4 đến trang 60), khái quát những nội dung cốt lõi của CT triết học. *Phần thứ hai: Công dân với đạo đức* gồm 7 bài từ trang 62 đến trang 118. Qua thăm dò ý kiến của một số GV và HS, chúng tôi nhận thấy, GV và HS có phản ứng tích cực hơn với phần hai của CT - công dân với đạo đức. Nội dung của 7 bài trong phần này được đánh giá là khá hợp lý về khối lượng kiến thức, phù hợp với thực tiễn. Những vấn đề đặt ra như công dân với tình yêu, hôn nhân, gia đình; công dân với cộng đồng; công dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; công dân với những vấn đề toàn cầu; tự hoàn thiện bản thân... đều rất thiết thực, bổ ích, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của HS lớp 10. Nhìn chung, phần này của CT đã tạo được hứng thú cho các em học môn GDCD, góp phần quan trọng trong bước đầu tạo lập một nhân sinh quan tích cực, đúng đắn. Tuy vậy, vẫn cần phải nói rằng, ngay trong phần được đánh giá tích cực này, SGK GDCD10 vẫn chưa hoàn toàn khắc phục được tính ô m đồm về nội dung. Ví dụ như bài 15 - *Công dân với một số vấn đề cấp thiết của nhân loại* - HS phải tìm hiểu 3 vấn đề lớn ở phạm vi toàn cầu cũng như địa phương chỉ trong thời lượng 1 tiết theo phân phối CT với khối lượng tri thức, thông tin rất lớn và đa lĩnh vực (3; 102-112).

Đối với phần thứ nhất của SGK GDCD10, bên cạnh những thành công như đảm bảo tính khoa học với kết cấu bài tương đối trọng tâm rút ra từ CT triết học, kết hợp với việc đổi mới dạy học theo nguyên tắc phát huy tính tích cực học tập của HS thì vẫn còn nhiều bất cập liên quan đến tính vừa sức của CT. Sự bất cập này thể hiện ở chỗ trong nhiều bài, nhiều mục, dung lượng kiến thức còn quá lớn, quá rộng, quá khó đối với nhận thức của HS lớp 10. "Khung" CT có vẻ được xác định hơi cao so với cấp học phổ thông. Nhiều ý kiến của các nhà nghiên cứu cũng như các nhà giáo quan tâm đến vấn đề này đều thừa nhận rằng CT- SGK hiện hành còn có phần cấu tạo về tính hệ thống, khoa học nên nội dung còn ô m đồm, nhiều thuật ngữ trừu tượng mang tính kinh viện cao

nhên nặng nề đối với HS (4). Điều này dẫn đến lượng kiến thức trong CT và trong một số bài học bị quá tải, thể hiện đặc biệt rõ nét ở phần *công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học* trong GDCD10.

Thêm vào đó, đặc thù của tri thức triết học là "lí trí" khô khan, cô đọng, khiến cho việc dạy và học môn GDCD ở lớp 10 trở nên khó khăn, dễ nản và không đạt được hiệu quả mong muốn. Tính vừa sức của môn học này đã bị "vượt quá" không chỉ về khối lượng kiến thức mà cả về khả năng tiếp thu của HS. Bài giảng triết học thường có nhiều khái niệm, nguyên lí, quy luật khó hiểu, mang tính khái quát, trừu tượng cao trong khi HS đầu cấp THPT lại chưa được chuẩn bị về vốn sống và kinh nghiệm thực tiễn và cả năng lực tư duy lí luận.

Chẳng hạn, ở bài 1 đã buộc các em phải tiếp nhận hàng loạt các khái niệm trừu tượng như: triết học là gì? đối tượng nghiên cứu của triết học; thế giới quan là gì? vấn đề cơ bản của triết học; thế nào là phương pháp luận, phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình, biện chứng duy vật, duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật biện chứng... Những khái niệm triết học trừu tượng này lại được diễn đạt quá cô đọng, khái quát, thực sự trở nên quá khó đối với người học. Phần triết học với những kiến thức quá chuyên sâu và khó đối với đa số HS lại được đưa ngay vào học kì I. Toàn bộ các phạm trù cơ bản của triết học: duy vật - duy tâm, mâu thuẫn, chất, lượng, độ, phủ định, thực tiễn và nhận thức, tồn tại xã hội - ý thức xã hội, lực lượng sản xuất - quan hệ sản xuất... được thiết kế dạy trong 15 tiết. Thực tế là sau khi học xong, yêu cầu HS giải thích các thuật ngữ đó, đa phần các em đều không giải thích được hoặc giải thích sai. Đối với giáo viên THPT với quỹ thời gian eo hẹp dù có vận dụng các phương pháp dạy học thích hợp cũng khó có thể cắt nghĩa rõ ràng các khái niệm trên. Thời gian dạy học 1 tiết/tuần với lượng kiến thức của một bài (tiết học) là quá tải. GV phải giới thiệu nhanh các nội dung kiến thức của triết học đã được viết rất cô đúc. Tuy nhiên, để giúp HS hiểu ngay được những kiến thức này và yêu cầu HS tự liên hệ, tìm hiểu, vận dụng thì trong thời lượng 45 phút/1 tiết học/1 tuần là rất khó. Việc lí giải và nhận thức thấu đáo những nội dung này chỉ có thể thực hiện được ở cấp học cao hơn và với thời lượng thỏa đáng hơn. Một số câu hỏi nhằm cụ thể hoá khái niệm trong SGK lại cũng quá khó, chưa phù hợp với trình độ của HS lớp 10 mới bước đầu làm quen với tư duy lí luận.

Ví dụ như: Em hãy nghĩ xem vì sao ý kiến sau đây của Béc-cơ-ly được coi là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm: "Tồn tại tức là cái được cảm giác"; (không có sự vật nằm ngoài cảm giác; Mọi sự vật chỉ tồn tại trong chừng mực người ta cảm giác được nó) (3; 7). Cái khó còn là ở chỗ các khái niệm "tồn tại", "cảm giác", HS chưa được học. Hay nhằm lí giải phương pháp biện chứng, sách **GDCD10** trang 8 đưa ra yêu cầu: em hãy chỉ ra yếu tố biện chứng trong câu nói nổi tiếng dưới đây của Hê-ra-clít "không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông" (3; 8). Các câu hỏi này cũng được xem là không dễ ngay cả đối với sinh viên ở bậc cao đẳng, đại học.

Các bài tiếp theo trong SGK **GDCD10** cũng đòi hỏi trình độ tiếp nhận kiến thức ở mức độ cao mà HS lớp 10 ở mức khá và trung bình không thể đáp ứng. Điều này cho thấy nội dung CT môn GDCD đang "quá tải" đối với hầu hết HS lớp 10. Đa số ý kiến của HS, thậm chí có cả GV cho rằng, phần "Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học" là còn trừu tượng, khó hiểu đối với HS lớp 10 (4; 76).

Có thể thấy rằng, phần thứ nhất của CT môn **GDCD10** được đặt ra là quá cao so với trình độ và yêu cầu đối với HS ở độ tuổi này. Khối lượng kiến thức quá nhiều không thể chuyển tải trong thời gian eo hẹp của CT phổ thông đã đành. Điều này còn dẫn đến xu hướng vì phải chạy theo CT, GV không thể cắt nghĩa cụ thể vấn đề, buộc phải dạy theo lối thuyết lí chung chung hoặc truyền đạt nhồi nhét kiến thức. Bài học vì thế khô khan, giáo điều và không cuốn hút được HS. Một HS Trường THPT Võ Thị Sáu thú thật: "thông thường những giờ GDCD tụi em không học gì hết... vì nó cao hơn sự hiểu biết của mình, nội dung thì xa rời với cuộc sống" (5). Việc học các khái niệm, nguyên lí, quy luật triết học quá trừu tượng, vượt quá khả năng tiếp nhận kiến thức của các em đã tạo nên trạng thái "ức chế" và định kiến sai lầm đối với môn khoa học quan trọng này. Nếu CT không được "giảm tải" cho vừa sức, chúng ta càng không thể tiến hành đổi mới phương pháp dạy học GDCD theo hướng phát huy tính tích cực của HS.

Điều đáng ghi nhận là từ năm học 2011-2012, Bộ GD-ĐT đã có thông tư chỉ đạo việc giảm tải CT GDCD ở cấp THPT. Các nhà quản lí giáo dục và các tác giả viết SGK đã và đang tiến hành rà soát và sửa chữa một phần những bất cập trên. Mặc dù đã có những thay đổi bước đầu theo hướng tích cực nhưng có thể nhận thấy CT giảm tải vẫn chưa thoát khỏi cái bóng

của CT cũ, nhiều nội dung thực chất là sự rút gọn, điều chỉnh cơ học CT cũ mà việc giảm tải lại làm khó thêm cho GV và HS. Chẳng hạn, ở bài "Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng", mục 2: *Chủ nghĩa duy vật biện chứng - sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng* được hướng dẫn là "không phân tích chỉ nêu kết luận", trong khi, đề mục và kết luận kiến thức cũng "không khác gì đề mục" thì làm sao mà HS hiểu được sự thống nhất đó một cách logic và biện chứng? Thay vì hiểu, HS chỉ còn cách chép và học thuộc. Với cách giảm tải như trên, GV cũng khó có thể đổi mới phương pháp dạy học, loại bỏ thói quen học tập thụ động kiểu thầy đọc - trò chép và học thuộc. Thêm một số lí do khác nữa, nhiều GV cho biết, họ cảm thấy không ít khó khăn khi dạy theo CT đã giảm tải này.

4. Để góp phần khắc phục những bất cập ảnh hưởng đến việc đảm bảo tính vừa sức trong dạy học môn GDCD lớp 10, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau:

1) Để khắc phục tình trạng quá tải trong CT **GDCD10** nên chuyển phần nội dung triết học lên bậc học cao hơn. Việc tích hợp triết học vào CT GDCD như CT - SGK hiện hành thực sự đã tạo nên gánh nặng quá tải đối với việc dạy và học của GV và HS.

2) Việc biên soạn SGK mới sau năm 2015 cần thay đổi về thiết kế nội dung theo hướng quan tâm hơn đến đặc điểm nhận thức và sự hứng thú của HS. Cần giảm dung lượng và chú trọng lựa chọn kiến thức; giảm bớt độ khó của một số kiến thức lí thuyết, hàn lâm, đồng thời nội dung các bài học phải có "phần mở" sát với thực tiễn của đời sống để giúp HS phát triển năng lực phân tích và kĩ năng giải quyết các tình huống, các vấn đề trong cuộc sống.

3) Thực tế SGK GDCD hiện còn đơn điệu về hình thức. Để chuyển tải tốt nội dung và tăng tính hấp dẫn cho bài học nên biên soạn thêm sách tham khảo, bài tập tình huống và đồ dùng trực quan, xây dựng tài liệu hình ảnh cho môn học. Điều này sẽ giúp HS hiểu và tiếp thu bài học hiệu quả hơn. □

(1) Phùng Văn Bộ (chủ biên). **Một số vấn đề về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu triết học**. NXB Giáo dục, H. 2001.

(2) Đinh Văn Đức - Dương Thúy Nga (đồng chủ biên). **Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở**

(Xem tiếp trang 57)

đúng là 71,1%, điều này cho thấy quỹ thời gian dành cho nghiên cứu bài giảng còn hạn chế, GV ngại vất vả khi sử dụng PPDH tích cực. Một nguyên nhân nữa là chưa có nhiều tiết dạy vận dụng PPDH tích cực để tham khảo, chỉ một số ít bài giảng được thể hiện ở các kì thi GV giỏi tỉnh, thao giảng đổi mới PPDH. Khi được hỏi về việc vận dụng PPDH tích cực, các GV đều sẵn sàng giảng dạy nếu PPDH đó thực sự mang lại hiệu quả. Thêm vào đó, GV đều cho rằng, việc thiếu PTDH và sĩ số HS trong một lớp đông cũng cản trở việc vận dụng PPDH tích cực. Điều ghi nhận là đa số GV nhận thức được vai trò quan trọng của PPDH tích cực trong dạy học 53,3%. Qua thống kê, chúng tôi thấy rằng, có thể triển khai PPDH tích cực nếu GV được bồi dưỡng về PPDH tích cực, trang bị thêm các PTDH, động viên GV ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Đây là thông tin quý giá để các cấp quản lí xây dựng kế hoạch bồi dưỡng PPDH tích cực cho GV.

Từ thực trạng về vận dụng PPDH tích cực ở các trường THPT, chúng tôi rút ra một số nhận xét sau: - Đa số GV có nhận thức khá tốt về các vấn đề liên quan đến PPDH tích cực nhờ có điều kiện tiếp cận với vấn đề này qua việc tổ chức thi sát hạch, bồi dưỡng thường xuyên, qua đồng nghiệp, lớp tập huấn, tài liệu, sách báo, phương tiện thông tin đại chúng,... Hầu hết GV có thái độ đúng mực đối với việc vận dụng PPDH tích cực (một phần do GV được các cấp quản lí thường xuyên nhắc nhở, khuyến khích, động viên sử dụng các PPDH tích cực vào các tiết dạy, một phần do chính GV đã nhận thức được tầm quan trọng của đổi mới PPDH hiện nay); - Nhiều GV được đào tạo trên chuẩn, GV dạy giỏi cấp tỉnh, có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, khả năng khai thác thí nghiệm và các PTDH, đây là điều kiện thuận lợi để vận dụng PPDH tích cực. Tuy nhiên, một số ít GV vẫn ngại sử dụng PTDH và tiếp cận công nghệ thông tin; - Phát triển các năng lực của HS được GV ưu tiên trong dạy học và cũng là định hướng đổi mới PPDH mà Bộ GD-ĐT đề ra. Tuy nhiên, việc thực hiện như thế nào cần nghiên cứu và tìm biện pháp giải quyết; - Vận dụng PPDH tích cực đã được các cấp quản lí giáo dục quan tâm, tuy nhiên, thực tế triển khai còn nhiều bất cập, trong đó thiếu về cơ sở lí luận, không có triển khai thí điểm, định hướng cách làm nên phần lớn GV lúng túng

trong việc đổi mới PPDH, hoặc có triển khai nhưng đổi phỏ, hiệu quả dạy học không cao, bên cạnh đó thiếu về PTDH, hạn chế của việc ứng dụng công nghệ thông tin cũng ảnh hưởng đến hiệu quả dạy học tích cực. □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. "Tài liệu tập huấn về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực" *Cục nhà giáo và cán bộ quản lí cơ sở giáo dục. Dự án Việt Bỉ*, tháng 4/2010.
2. Đặng Thành Hưng. **Dạy học hiện đại: Lí luận - Biện pháp - Kĩ thuật**. NXB Đại học quốc gia, H. 2002.
3. Đỗ Hương Trà. **Các kiểu tổ chức dạy học hiện đại trong dạy học Vật lí ở trường phổ thông**. NXB Đại học sư phạm, H. 2001.

SUMMARY

Effective application of active teaching methods will contribute to the improvement of teaching quality. This writing provides some information about the situation of active teaching method application at some high schools in which we carried out survey. In conclusion, we offer some comments and solutions in order to intensify the application of active teaching methods and make the renovation of current teaching methods effectively.

Bàn về nguyên tắc tính vừa sức...

(Tiếp theo trang 62)

trường trung học phổ thông. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.

(3) Bộ GD-ĐT. **Giáo dục công dân 10**. NXB Giáo dục, H. 2007.

(4) Bộ GD-ĐT. **Kỉ yếu hội thảo quốc gia về giáo dục đạo đức - công dân trong giáo dục phổ thông Việt Nam**. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2013.

(5) Nguyễn Thị Toan (chủ trì). **Đề tài khoa học cấp bộ "Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên Giáo dục công dân trường trung học phổ thông trong tình hình hiện nay"** (Mã số B2010-17-255), H. 2012.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. **Tư liệu và phương tiện giảng dạy môn Giáo dục công dân**. NXB Giáo dục, H. 1996.
2. <http://m.tin247.com>

SUMMARY

Medium strength principle is one of the basic principles of teaching reasoning. On the basis of programs research and practical teaching of civic education, the article emphasizes the importance and necessity of mastering this principle in designing and teaching, lead to improve quality of teaching and studying in civic education in high schools today.